TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2022
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn Tr; địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện V1, thành phố H; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L; địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện V1, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08-12-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn Tr trình bày:

Ông Tr và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, lối sống nên đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay, Ông Tr cho rằng tình cảm giữa hai bên không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Tr và bà L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông Tr và bà L có 02 con là Bùi Văn T, sinh năm 1990 và Bùi Phương N, sinh năm 1996 đều đã thành niên nên Ông Tr không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn kiến nghị nộp trực tiếp tại Toà án ngày 05-01-2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn bà Bùi Thị L xác nhận, bà L và Ông Tr chung sống vợ chồng với nhau do tự nguyện, được gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương từ năm 1989 nhưng bà L không nhớ bà và Ông Tr có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Nay, Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên, bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con là Bùi Văn T, sinh năm 1990 và Bùi Phương N, sinh năm 1996 đều đã thành niên như Ông Tr trình bày là đúng.

Về tài sản chung: Tại phiên toà, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa các bên theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Văn Tr và bà Bùi Thị L; về con chung: Ông Tr và bà L có 02 con là Bùi Văn T, sinh năm 1990 và Bùi Phương N, sinh năm 1996 đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng; về tài sản chung: Ông Tr không yêu cầu phân chia tài sản;

tại phiên toà, bà L yêu cầu phân chia tài sản sau thời điểm Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bị đơn. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn 1, xã V, huyện V1, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Bùi Văn Tr vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về căn cứ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Toà án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã được xem xét công khai tại phiên toà, thấy rằng, ông Bùi Văn Tr và bà Bùi Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Như vậy, việc Ông Tr và bà L chung sống với nhau như vợ chồng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Tr và bà L để ổn định cuộc sống riêng của mỗi bên, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Xét thấy, yêu cầu của Ông Tr là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Tr và bà L.

[4] Về con chung: Ông Tr và bà L có 02 con là Bùi Văn T, sinh năm 1990 và Bùi Phương N, sinh năm 1996 đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn Ông Tr không yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản. Tại phiên toà, bị đơn bà L yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản chung giữa các bên. Xét thấy, bị đơn đưa ra yêu cầu phân chia tài sản sau thời điểm Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Văn Tr và bà Bùi Thị L.

2. Về con chung: Ông Bùi Văn Tr và bà Bùi Thị L có 02 con là Bùi Văn T, sinh năm 1990 và Bùi Phương N, sinh năm 1996 đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản. Tại phiên toà, bị đơn yêu cầu Toà án giải quyết phân chia tài sản nhưng không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002143 ngày 13-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường